

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, ĐO KIỂM
PHẦN MỀM MỘT CỬA ĐIỆN TỬ, CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Kèm theo Quyết định số QĐ/THH-HTTT ngày /5/2018
của Cục Tin học hóa)

Mục lục

I. MỤC ĐÍCH CỦA TÀI LIỆU	3
II. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ.....	3
1. Đánh giá chung.....	3
2. Đánh giá về khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu	4
3. Đánh giá chức năng phần mềm Hệ thống MCĐT	5
<i>Ngoài các tiêu chí đánh giá chức năng nêu trên, nhà cung cấp có thể liệt kê những chức năng được nhận định là vượt trội mà hệ thống có trong quá trình kiểm thử.....</i>	20
4. Đánh giá chức năng phần mềm Cổng DVC	20
5. Đánh giá hiệu năng	26
6. Đánh giá an toàn, bảo mật.....	27
7. Đánh giá định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCĐT với Công dịch vụ công quốc gia.....	28
8. Đánh giá một số tính năng, tiêu chí phi chức năng khác	30
III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ.....	33
1. Về trình tự thực hiện đánh giá.....	33
2. Hồ sơ đề xuất đánh giá	33
<i>Phục lục 1: Gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCĐT với Công dịch vụ công quốc gia.....</i>	35
1.1. Các gói tin phục vụ đồng bộ người sử dụng (Citizen).....	35
1.1.1. Gói tin đồng bộ người sử dụng của Đơn vị xử lý lên Công Dịch vụ Công, phục vụ Single Sign On (Citizen/SyncSSO).....	35
1.1.2. Gói tin thêm mới Người sử dụng lên Cổng Dịch vụ Công (Citizen/UpdateCitizen).....	40
1.1.3. Gói tin Xóa Người sử dụng trên Cổng Dịch vụ Công (Citizen/DeleteCitizen).....	44
1.1.4. Gói tin xác thực tài khoản trên cổng dịch vụ công (Citizen/Authenticate)	48
1.2. Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Document).....	51

1.2.1. Gói tin Đồng bộ hồ sơ một cửa từ các Đơn vị Tiếp nhận hồ sơ lên Cổng Dịch vụ Công (Document/SyncDocument).....	51
1.2.2. Gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ một cửa (Document/UpdateDocumentTraces).....	65
1.3. Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote)	68
1.4. Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Statistic)	71

I. MỤC ĐÍCH CỦA TÀI LIỆU

Giải thích từ ngữ: Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử được hiểu theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tài liệu này áp dụng cho quá trình đánh giá, kiểm thử phần mềm Công dịch vụ công (sau đây viết tắt là Công DVC) và phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử (sau đây viết tắt là Hệ thống MCĐT), theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại công văn số 1665/VPCP-KSTT ngày 13/02/2018 của Văn phòng Chính phủ và thông báo kết luận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 3466/TB-VPCP ngày 16/4/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc đánh giá lựa chọn và khuyến cáo sử dụng phần mềm Công DVC và Hệ thống MCĐT cho cấp Bộ, Tỉnh.

Các đối tượng áp dụng bao gồm Trung tâm Chính phủ điện tử; Phòng Hệ thống thông tin (Cục Tin học hóa); Các cá nhân, tổ chức cung cấp phần mềm Một cửa điện tử, các bên có liên quan trong quá trình đánh giá và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu áp dụng nếu thấy phù hợp.

II. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Trong bộ tiêu chí này, các tiêu chí đánh giá phần mềm Hệ thống MCĐT, công DVC được chia thành các nhóm: Đánh giá chung; đánh giá về kết nối, chia sẻ dữ liệu; đánh giá chức năng; đánh giá hiệu năng; đánh giá an toàn, bảo mật; đánh giá phù hợp với định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Công DVC quốc gia và đánh giá một số tiêu chí phi chức năng khác.

Để đánh giá một tiêu chí, tài liệu này sử dụng phép đánh giá đạt/không đạt. Kết quả đánh giá có thể được thực hiện thông qua việc kiểm thử, khảo sát thực tế hoặc kiểm tra thực tế sự đáp ứng đối với từng tiêu chí.

1. Đánh giá chung

Các yêu cầu chung đối với Hệ thống DVC và hệ thống MCĐT bao gồm:

- Bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước với nhau để từng bước cho phép các cơ quan hành chính nhà nước phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng một cách xuyên suốt, nhất quán theo tinh thần “một cửa liên thông”;

- Bảo đảm khả năng tiếp nhận, kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính thông qua các phương tiện điện tử, truyền thông, mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép như mạng internet, mạng điện thoại, sử dụng hệ thống tin nhắn (SMS)...

- Hướng đến lấy người sử dụng làm trung tâm: Những giấy tờ, thông tin liên quan đến người sử dụng đã cung cấp một lần thành công cho một cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thì vẫn chính những giấy tờ, thông tin đó, nếu còn giá trị sử dụng theo quy định, không phải cung cấp lại khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến lần sau cho chính cơ quan nhà nước đó. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan thuộc, trực thuộc thì các giấy tờ, thông tin này không phải cung cấp lại khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến lần sau cho cơ quan thuộc, trực thuộc khác của bộ, tỉnh đó.

- Hệ thống phải cung cấp công cụ, phương thức để thực hiện chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp, chuyên môn cho cơ quan hành chính nhà nước, hướng đến cho phép cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước phối hợp giải quyết thủ tục hành chính xuyên suốt, nhất quán nhưng vẫn đảm bảo công khai, minh bạch trên môi trường mạng.

- Hệ thống phải cung cấp công cụ, phục vụ cơ quan hành chính nhà nước trong công tác tổ chức, quản lý, khai thác, lưu trữ khoa học, nhất quán, lâu dài hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân.

2. Đánh giá về khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu

Hệ thống Cổng DVC và Hệ thống MCĐT cần bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam phiên bản 1.0, khung kiến trúc CPĐT cấp Bộ, khung kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh, trước mắt là việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với một số CSDL quốc gia, hệ thống thông tin đã sẵn sàng:

STT	Tiêu chí	Mô tả
1	Kết nối giữa hệ thống Cổng DVC cấp bộ, cấp tỉnh với hệ thống MCĐT cấp bộ, tỉnh	Kết nối Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh với hệ thống MCĐT của Bộ, tỉnh thông qua LGSP của Bộ, tỉnh để: - Luân chuyển hồ sơ hành chính công trực tuyến tiếp nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến vào hệ thống MCĐT để thực hiện việc xử lý hồ sơ trên hệ thống MCĐT;

		- Truy vấn dữ liệu để đăng tải công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh
2	Kết nối với các CSDL quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ trung ương đến địa phương, hệ thống của Tổng công ty bưu điện Việt Nam	<p>Hệ thống MCĐT và Cổng DVC bảo đảm khả năng kết nối các CSDL quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương, để khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã có, trước mắt có khả năng đáp ứng các yêu cầu kết nối như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dữ liệu gói tin trao đổi thông tin về dân cư tuân thủ QCVN 109:2017/BTTTT về cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; + Kết nối với Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp để: chuyển hồ sơ hành chính công đã tiếp nhận vào hệ thống xử lý nghiệp vụ của Bộ Tư pháp; khai thác thông tin, dữ liệu về trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC; + Kết nối với Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp để: chuyển hồ sơ hành chính công đã tiếp nhận vào hệ thống xử lý nghiệp vụ của Bộ Tư pháp; khai thác thông tin, dữ liệu về trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC; + Kết nối với hệ thống CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật để khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật; + Kết nối với Hệ thống thông tin của Tổng công ty bưu điện Việt Nam phục vụ triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Đánh giá chức năng phần mềm Hệ thống MCĐT

Yêu cầu chức năng cụ thể đối với ứng dụng MCĐT:

TT	Tên chức năng	Mô tả	Đối tượng sử dụng
Quản lý danh mục thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu			
1.	Danh mục thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục lĩnh vực, nhóm thủ tục hành chính. Danh mục được đồng bộ với danh mục lĩnh vực, nhóm thủ tục hành chính của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến. - Định nghĩa và quản lý từng thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> + Trình tự các bước thực hiện + Cách thức thực hiện: trực tiếp tại cơ quan hành chính, qua mạng internet + Hồ sơ: thành phần hồ sơ bao gồm mẫu đơn, mẫu tờ khai, các giấy tờ - tài liệu liên quan; số lượng bộ hồ sơ + Thời hạn giải quyết + Kết quả thực hiện: giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký, chứng chỉ hành nghề, thẻ, quyết định phê duyệt, chứng chỉ, văn bản xác nhận, quyết định hành chính, giấy xác nhận, bản cam kết, biển hiệu, văn bản chấp thuận, bằng cấp hoặc loại giấy tờ khác + Các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có) + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính 	Người quản trị
2.	Hồ sơ, biểu mẫu thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> a) Hồ sơ hành chính điện tử: <ul style="list-style-type: none"> - Phải được cung cấp dưới dạng tệp văn bản có định dạng theo quy định tại mục Văn bản thuộc Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT; - Phải bảo đảm khi in ra tương đương như biểu mẫu giấy, rõ ràng để người sử dụng điền thông tin được dễ dàng, chính xác. b) Yêu cầu chất lượng hồ sơ hành chính điện tử được tạo ra bằng máy quét, chụp ảnh số: Hồ sơ phải rõ nét, kích thước đủ lớn để có thể đọc được dễ dàng nội dung hồ sơ trên màn hình máy tính và khi in ra giấy; 	Người quản trị

		<p>c) Định dạng tệp tin trong hồ sơ hành chính điện tử sau khi số hóa: đối với tệp tin trong hồ sơ hành chính điện tử sử dụng định dạng văn bản, hình ảnh, áp dụng các định dạng văn bản, hình ảnh tại mục Văn bản và Ảnh đồ họa thuộc Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BTTTT;</p> <p>d) Dung lượng cho một tệp tin trong hồ sơ hành chính điện tử: dung lượng tối đa cho mỗi tệp tin được tải lên gắn kèm hồ sơ hành chính điện tử phải được thông báo tại vị trí chọn tệp tin đính kèm trên biểu mẫu điện tử tương tác để người sử dụng biết và thực hiện;</p> <p>đ) Cho phép thực hiện việc tạo lập, nộp, quản lý hồ sơ hành chính điện tử như: nhập hồ sơ, quản lý hồ sơ, xem danh sách hồ sơ, nhập bổ sung hồ sơ, quản lý hồ sơ đã gửi.</p> <p>e) Đối với biểu mẫu, cho phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa và quản lý các biểu mẫu hồ sơ thủ tục hành chính - Định dạng dữ liệu cho từng biểu mẫu trong hồ sơ thủ tục hành chính - Quản lý căn cứ pháp lý của biểu mẫu - Định nghĩa các biểu mẫu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu phiếu biên nhận hồ sơ cho tổ chức, cá nhân + Mẫu phiếu bàn giao hồ sơ giữa các phòng ban, bộ phận + Mẫu phiếu hẹn trả kết quả + Mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính + Các mẫu biểu khác có liên quan (theo nhu cầu thực tế) 	
3.	Chu trình lưu chuyển, xử lý của thủ tục	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa và quản trị chu trình lưu chuyển, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính giữa các phòng, ban chức năng và nhóm các cán bộ xử lý. Quy trình phải cho phép điều chỉnh động (linh hoạt trong việc định nghĩa quy trình, thủ tục) do các quy trình, 	Người quản trị

		<p>thủ tục hành chính thường xuyên có sự thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng thời cho phép thiết lập thời gian xử lý tại các bước xử lý của chu trình (lưu ý tổng thời gian xử lý của tất cả các bước phải nhỏ hơn hoặc bằng thời hạn giải quyết) nhằm giúp lãnh đạo theo dõi khả năng giải quyết, cũng như triển khai giải pháp tăng cường khi xảy ra quá tải. - Chu trình lưu chuyên, xử lý phải bao gồm chức năng bổ sung hồ sơ. - Chu trình lưu chuyên, xử lý phải thể hiện được việc giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận hồ sơ điện tử thông qua Hệ thống cổng DVC. 	
4.	Quản lý danh mục trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa danh mục trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính. - Định nghĩa và quản trị lưu đồ chuyển đổi trạng thái hồ sơ trong quá trình hồ sơ luân chuyển trong chu trình lưu chuyên, xử lý của thủ tục hành chính (theo mục II.3.3). - Có phương thức thông báo, đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính cho hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến. 	
Tiếp nhận và xử lý hồ sơ			
5.	Tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cán bộ tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi tắt là cán bộ TN&TKQ): hiển thị danh mục hồ sơ cần nộp tương ứng với thủ tục hành chính, hiển thị danh sách các văn bản pháp quy quy định đối với thủ tục hành chính cần giải quyết - Nhập mới hồ sơ, nhập bổ sung hồ sơ (theo mẫu đơn, mẫu tờ khai và các giấy tờ, tài liệu liên quan): các thông tin yêu cầu, thông tin định danh và các tài liệu đính kèm. Kiểm tra được tính đầy đủ, tính hợp pháp của các trường thông tin đã nhập - Mã số hồ sơ thủ tục hành chính do Hệ thống MCĐT cấp tự động, được sử dụng thống nhất trong hoạt động giao dịch giữa các cơ quan, đơn vị với tổ chức, cá nhân và giữa các cơ quan, đơn vị với nhau. Cấu trúc Mã số hồ sơ thủ tục hành chính bao 	Cán bộ TN&TKQ

gồm: Mã định danh của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thủ tục hành chính (Cấu trúc mã định danh theo QCVN 102:2016/BTTTT) và Dãy số tự nhiên gồm ngày, tháng, năm tiếp nhận, số thứ tự hồ sơ tiếp nhận trong ngày

- Hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ hành chính điện tử từ Cổng DVC và hồ sơ điện tử qua mạng internet. Có cơ chế phân biệt hồ sơ tiếp nhận trên Cổng DVC và hồ sơ tiếp nhận tại bộ phận một cửa

- Hiện thị danh mục các hồ sơ đã tiếp nhận theo loại hồ sơ với các thông tin: loại thủ tục hành chính, mã hồ sơ, nội dung hồ sơ, ngày hẹn trả,...

- Chuyên xử lý: theo quy trình đã định nghĩa

- Tự động sinh mã tiếp nhận, in mã vạch phục vụ tra cứu

- In phiếu hẹn trả kết quả, biên nhận hồ sơ cho tổ chức, cá nhân

- In phiếu biên nhận bàn giao giữa các đơn vị

- Quản lý thông tin liên lạc, liên hệ của tổ chức, cá nhân

- Cho phép lấy lại hồ sơ khi chuyển nhầm đơn vị xử lý

- Cho phép in các thông tin công dân/tổ chức ra thành mẫu đơn, mẫu tờ khai (đối với các hồ sơ nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công)

- Hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg

- Cho phép hủy, khôi phục hồ sơ (khi chưa nộp, tiếp nhận bởi cán bộ tiếp nhận)

- Hỗ trợ khả năng xác minh, khai thác hồ sơ công dân/tổ chức đã có trên hệ thống nội bộ của Bộ/tỉnh thông qua LGSP hoặc trên hệ thống CSDL quốc gia, HTTT có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương để hỗ trợ đơn giản hóa thành phần

		hồ sơ, giấy tờ liên quan đến công dân/tổ chức	
6.	Tiếp nhận bổ sung hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị danh sách hồ sơ chờ bổ sung - Cho phép cập nhật các thông tin bổ sung khi tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ các thông tin, giấy tờ cần thiết - Chuyên xử lý: theo quy trình đã định nghĩa (theo phòng, ban hoặc cá nhân) - In lại phiếu trả kết quả - Hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ điện tử bổ sung từ hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ điện tử bổ sung qua mạng internet - Hỗ trợ thông báo người dân đã bổ sung thông tin hồ sơ hoặc thanh toán qua mạng cho cán bộ tiếp nhận bổ sung biết và xử lý kịp thời (notification, sms,...) - Hỗ trợ việc tiếp nhận hồ sơ bổ sung qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg 	Cán bộ TN&TKQ
7.	Phân công thụ lý hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ lãnh đạo phòng, ban phân công thụ lý với những hồ sơ được chuyển xử lý về phòng - Phân công thụ lý lại - Liên thông cập nhật trạng thái, vết xử lý hồ sơ hành chính công điện tử với các bộ phận một cửa các cấp và các cơ quan khác trong nội bộ Bộ, tỉnh (liên thông nội bộ) qua LGSP 	Lãnh đạo phòng, ban
8.	Thụ lý hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị danh sách các hồ sơ đang giải quyết: mã hồ sơ, nội dung hồ sơ, ngày hẹn trả, trạng thái hồ sơ. - Hiện thị đầy đủ thông tin của hồ sơ được chọn xử lý và các tài liệu đính kèm - Hỗ trợ xử lý hồ sơ theo danh mục công việc đã được quy định: xác nhận nội dung hồ sơ, yêu cầu bổ sung, nhận hồ sơ bổ sung... - Hỗ trợ xử lý ủy quyền, gia hạn thời gian xử lý hồ sơ (nếu được phép) - Chuyển bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) 	Cán bộ thụ lý

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân công phối hợp xử lý hoặc chuyển xử lý trong trường hợp không cần phối hợp - Trình phê duyệt - Liên thông cập nhật trạng thái, vết xử lý hồ sơ hành chính công điện tử với các cơ quan khác liên quan trong nội bộ của bộ/tỉnh (liên thông nội bộ) qua LGSP 	
9.	Phê duyệt hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị danh sách các hồ sơ chờ được phê duyệt - Hỗ trợ tạo dự thảo kết quả xử lý dưới định dạng Word, Pdf... - Ký duyệt - Cho phép ký duyệt nhiều lần (trong trường hợp hồ sơ phải luân chuyển nhiều lần tới các cơ quan khác để phối hợp xử lý) - Từ chối hồ sơ, cập nhật ý kiến chỉ đạo - Hiện thị danh sách các hồ sơ đã được ký duyệt - Liên thông cập nhật trạng thái, vết xử lý hồ sơ hành chính công điện tử với các cơ quan khác liên quan trong nội bộ của bộ/tỉnh (liên thông nội bộ) qua LGSP 	Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban được ủy quyền phê duyệt
10.	Trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị thông tin các hồ sơ đã giải quyết, tình trạng trả kết quả của hồ sơ - Hỗ trợ thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả xử lý hồ sơ qua email/tin nhắn SMS theo đăng ký - Hỗ trợ thông báo thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với các thủ tục hành chính bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ tài chính - Cập nhật thông tin trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, thời gian trả kết quả và biên lai nộp lệ phí theo quy định - Cập nhật thông tin người nhận kết quả (trong trường hợp nhận thay hoặc được ủy quyền nhận) - Cập nhật các dữ liệu trả kết quả vào hệ thống. Trong trường hợp đã có kết quả nhưng công dân, tổ chức không mang đủ 	Cán bộ TN&TKQ

		<p>hồ sơ bản chính để đối soát thì cập nhật dữ liệu về việc chưa trả kết quả đến khi đáp ứng đủ các điều kiện về việc trả kết quả theo quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ việc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg - Liên thông thông tin trả kết quả điện tử với các cơ quan khác liên quan trong nội bộ của bộ/tỉnh (liên thông nội bộ) qua LGSP 	
Báo cáo thống kê			
11.	Báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê theo nhiều tiêu chí: lĩnh vực, thời gian, trạng thái, quá trình xử lý, cán bộ xử lý,... - Hỗ trợ chức năng tạo báo cáo theo các định dạng phổ biến như excel, pdf, word, ... - In báo cáo thống kê trực tiếp từ phần mềm. 	Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban Cán bộ thụ lý Cán bộ TN&TKQ
12.	Biểu mẫu báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép định nghĩa biểu mẫu báo cáo theo tất cả các thuộc tính gắn với hồ sơ thủ tục hành chính, báo cáo tình hình xử lý, báo cáo định kỳ - Cá nhân hóa các biểu mẫu báo cáo. Cho phép người dùng lưu các dạng báo cáo của riêng họ và tái sử dụng khi cần thiết - Tùy chỉnh báo cáo trực quan bằng giao diện 	Người quản trị
Quản lý văn bản, hồ sơ			
13.	Danh mục văn bản pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng bộ với danh mục văn bản pháp luật từ cơ sở dữ liệu quốc gia về văn ... quy phạm của Bộ Tư pháp - Cập nhật danh mục, nội dung văn bản pháp luật ban hành thủ tục hành chính, quy định việc xử lý thủ tục hành chính - Phân loại văn bản pháp luật theo các tiêu chí: các văn bản pháp luật có liên quan, văn bản ban hành thay thế, văn bản cập nhật nội dung văn bản cũ... 	Người quản trị

14.	Lưu trữ tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cập nhật trạng thái, vị trí, đối tượng quản lý về hồ sơ gốc, văn bản giấy (hardcopy) liên quan đến quá trình xử lý thủ tục hành chính. - Lưu vết quá trình dịch chuyển vị trí hồ sơ gốc. 	Cán bộ TN&TKQ Cán bộ thụ lý Văn thư lưu trữ
15.	Luân chuyển hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép luân chuyển hồ sơ giữa các đơn vị trong cơ quan phục vụ việc phối hợp thụ lý hồ sơ - Cập nhật trạng thái hồ sơ trong quá trình xử lý thủ tục hành chính quy định tại mục (II.3.3) với danh mục trạng thái hồ sơ quy định tại mục (II.3.3) 	Cán bộ TN&TKQ Cán bộ thụ lý Văn thư lưu trữ
Quản lý danh mục tham chiếu			
16.	Quản lý danh mục tham chiếu/dùng chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng bộ với hệ thống danh mục điện tử dùng chung của Bộ, tỉnh, của các cơ quan Trung ương - Định nghĩa các danh mục tham chiếu/dùng chung trong nội bộ hệ thống - Quản trị nội dung các danh mục 	Người quản trị
Quản trị người dùng			
17.	Quản trị người dùng	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng bộ từ kho người dùng tập trung của Bộ, tỉnh bảo đảm khả năng đăng nhập một lần (SSO) - Thiết lập và quản trị nhóm người dùng và người dùng: tên, chức danh, phòng, ban, thông tin cá nhân, quyền truy cập hệ thống - Phân quyền theo quy trình xử lý thủ tục hành chính (phân quyền theo nhóm, theo cá nhân, theo chức vụ) 	Người quản trị
Quản trị hệ thống			
18.	Quản trị hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép kết nối với máy in, cơ sở dữ liệu danh mục, các tham số chế độ làm việc, quyền truy cập hệ thống, đăng nhập/đăng xuất... - Cung cấp các báo cáo vận hành, giám sát hệ thống, lưu vết quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính 	Người quản trị
Điều hành, tác nghiệp			

19.	Tra cứu tình trạng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu tình trạng hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân - Hỗ trợ tra cứu qua nhiều hình thức: mã vạch, mã hồ sơ, tin nhắn, tổng đài... 	Người nộp hồ sơ
20.	Chỉ đạo, điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp với trang tin điện tử/cổng dịch vụ công trực tuyến. Trong trường hợp cơ quan chưa có trang tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phần mềm MCDT phải cung cấp phân hệ Trang tin điện tử để thực hiện chức năng này. Phân hệ này phải đảm bảo cung cấp các thông tin theo quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy nhập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của Cơ quan nhà nước và bổ sung các thông tin trong mục Thông tin về thủ tục hành chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin tác nghiệp hồ sơ cần xử lý + Thông tin công khai tình trạng xử lý các hồ sơ theo kỳ: số hồ sơ xử lý đúng hạn, số hồ sơ quá hạn, ... + Tra cứu, hướng dẫn về thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân + Thông tin chi tiết quá trình xử lý một hồ sơ như: Trạng thái hồ sơ; hồ sơ đang ở bộ phận nào; hồ sơ đã qua các bước xử lý nào; bộ phận nào gây trễ, cán bộ nào trực tiếp xử lý (nếu có); hồ sơ sắp đến hết hạn trả 	Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban Quản trị hệ thống Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ
Các tiện ích			
21.	Thông báo, nhắc việc	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người sử dụng một bộ công cụ tiện ích để trao đổi, giải quyết các công việc, tổng hợp các hồ sơ cần giải quyết. Chức năng nhắc việc hiển thị theo định danh và vai trò người sử dụng. Với cán bộ TN&TKQ: Chức năng thông báo tổng thể tình hình hồ sơ thuộc thẩm quyền xử lý, hiển thị theo loại hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Số hồ sơ mới tiếp nhận + Số hồ sơ chờ bổ sung + Số hồ sơ chờ trả kết quả Với cán bộ thụ lý: <ul style="list-style-type: none"> + Số hồ sơ đang thụ lý chờ giải quyết 	Tất cả cán bộ

		<ul style="list-style-type: none"> + Số hồ sơ chờ bổ sung + Số hồ sơ đang trình ký <p>Với các trưởng phòng, ban:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số hồ sơ chờ phân công thụ lý + Số hồ sơ chờ phân công thụ lý lại + Số hồ sơ chờ duyệt + Số hồ sơ chờ lãnh đạo đơn vị ký duyệt <p>Với lãnh đạo đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số hồ sơ chờ duyệt - Hỗ trợ khả năng tích hợp nhắc việc trên các hệ thống dùng chung khác như hệ thống thông tin nội bộ dùng chung của bộ/tỉnh 	
22.	Tìm kiếm	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm thông tin theo tất cả các thuộc tính gắn với hồ sơ thủ tục hành chính - Cho phép tìm kiếm trong toàn bộ cơ sở dữ liệu. Có thể tìm kiếm toàn văn (full text search) cả trong các tệp gắn kèm dưới định dạng Word, Excel, XML 	Tất cả cán bộ
23.	Hiện thị trực quan chu trình lưu chuyển thủ tục hành chính	- Trong quá trình định nghĩa và quản trị cũng như báo cáo, các chu trình lưu chuyển, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được hiện thị dưới dạng sơ đồ trực quan.	Người quản trị Lãnh đạo đơn vị
24.	Môi trường công tác, trao đổi	- Phần mềm MCĐT có chức năng hội thoại trực tiếp giữa các cán bộ trong việc phối hợp giải quyết, trao đổi thông tin	Tất cả cán bộ
25.	Tra cứu tình trạng hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ	- Cung cấp phương thức cho phép công dân/ doanh nghiệp tra cứu dễ dàng tình trạng hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ qua tin nhắn SMS, điện thoại, Call Center...	Người nộp hồ sơ
Phân hệ phần mềm quản lý biểu mẫu điện tử			
Nhóm chức năng thiết kế			
26.	Thiết lập dự thảo E-Form	- Thêm mới, điều chỉnh một E-Form (dạng dự thảo) thông qua các tác vụ thiết kế trên giao diện đồ họa:	Người quản trị

		<ul style="list-style-type: none"> + Thiết lập khung hiển thị E-Form: vị trí, độ dài, chiều rộng, khung, viền các thông tin, dữ liệu cố định của E-Form. + Thiết lập các thông tin ghi chú, hỗ trợ, hướng dẫn. + Thiết lập các trường nhập liệu: Loại ô nhập liệu (control), vị trí, kích cỡ, kiểu dữ liệu, các ràng buộc về giá trị của các trường nhập liệu (bao gồm cả trường nhập liệu dành cho file đính kèm). + Thiết lập các đối tượng điều khiển cơ bản trên màn hình nhập liệu. + Thiết lập thời gian hiệu lực của E-Form. + Thiết lập các thông báo của hệ thống. - Cho phép thiết lập mới một E-Form dựa trên thiết kế mẫu (Template) của E-Form sẵn có trong thư viện E-Form. - Cho phép quản lý, sắp xếp, phân loại danh sách E-Form theo ngành, lĩnh vực của thủ tục hành chính. - Cho phép cập nhật, hiển thị các thông tin hỗ trợ đối với mỗi E-Form bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tên quy trình, thủ tục. + Các bước thực hiện. + Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục, E-Form. - Hiển thị các đối tượng điều khiển theo trình tự quy định tại chức năng số 2, bao gồm: Bắt đầu (start), Tiếp theo (next), Trở lại (back), Kết thúc (finish). - Thiết lập chế độ hiển thị E-Form phù hợp cho nhiều loại thiết bị điện tử khác nhau như máy tính bảng, Smart phone... 	
27.	Thiết lập quy trình phê duyệt E-Form	- Cho phép thiết lập quy trình xuất bản E-Form cho các nhóm người sử dụng khác nhau.	Người quản trị
28.	Kiểm tra, xem xét	- Hiển thị E-Form, cho phép người dùng kiểm tra và xem xét tính hợp lệ của Biểu mẫu điện tử dự thảo.	Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban

29.	Phê duyệt và xuất bản E-Form	- Cho phép người dùng được phân quyền phê duyệt và xuất bản E-Form (Thiết lập tính hiệu lực của E-Form).	Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban được ủy quyền phê duyệt
30.	Thiết lập bộ gõ tiếng Việt	- Cho phép thiết lập bộ gõ tiếng Việt có dấu theo chuẩn Unicode (TCVN 6909:2001) trên E-Form.	Người quản trị
Nhóm chức năng quản lý, lưu trữ			
31.	Sắp xếp, phân loại	- Sắp xếp, phân loại danh sách E-Form theo ngành, lĩnh vực của dịch vụ công trực tuyến.	Người quản trị
32.	Thiết lập quy trình khởi tạo hồ sơ điện tử	- Thiết lập danh sách E-Form, trình tự điền E-Form cho từng dịch vụ công trực tuyến tương ứng, phục vụ hoàn thiện hồ sơ điện tử.	Người quản trị
33.	Lưu trữ dữ liệu đặc tả cấu trúc E-Form	- Cho phép lưu trữ dữ liệu đặc tả cấu trúc E-Form trong Cơ sở dữ liệu.	Người quản trị
34.	Kết xuất (export) dữ liệu	- Cho phép kết xuất dữ liệu đặc tả (Metadata) cấu trúc E-Form theo chuẩn XML.	Người quản trị
35.	Nhập (import) dữ liệu	- Cho phép đọc dữ liệu đặc tả cấu trúc E-Form từ các tệp tin được định nghĩa theo chuẩn XML.	Người quản trị
36.	Tìm kiếm, tra cứu	- Cho phép tìm kiếm E-Form theo nhiều tiêu chí kết hợp: thời gian, tên E-Form, lĩnh vực/tên dịch vụ công trực tuyến, trạng thái của E-Form ...	Người quản trị
37.	Thay đổi hiệu lực của E-Form	- Trong trường hợp nội dung thông tin trên E-Form không còn phù hợp với quy định của thủ tục hành chính, hệ thống cho phép người dùng cập nhật trạng thái của E-Form thành: hết hiệu lực.	Người quản trị Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban được ủy

			quyền phê duyet
38.	Xóa E- Form	- Cho phép xóa E-Form có các trạng thái: + Dự thảo + Hết hiệu lực và không còn tham chiếu tới dịch vụ công trực tuyến. Các E-Form bị xóa cùng các thông tin, dữ liệu có liên quan vẫn được lưu thông tin trong CSDL E-Form (Form Repository) để có thể lấy ra khi cần thiết. + Đang thiết kế.	Người quản trị Lãnh đạo đơn vị Lãnh đạo phòng, ban được ủy quyền phê duyet
39.	Quản lý phiên bản trong giai đoạn thiết kế và khai thác sử dụng	- Tự động cập nhật và hiển thị các phiên bản của E-Form theo thời gian, đối tượng sửa đổi. - Lưu trữ cấu trúc dữ liệu các phiên bản của E-Form.	Người quản trị
Nhóm chức năng khai thác			
Trình diễn, hiển thị E-Form (Hiển thị trên cổng dịch vụ công, giao diện hệ thống MCDT cho cán bộ TN&TKQ)			
40.	Hiển thị các trường nhập liệu dành cho người dùng	- Hiển thị các trường nhập liệu (input controls) cho phép người dùng nhập thông tin thông qua các hình thức: + Nhập trực tiếp dữ liệu dạng ký tự: cho phép giới hạn số dòng, số ký tự, loại ký tự được phép nhập theo yêu cầu. + Nhập dữ liệu từ danh mục lựa chọn. (Ví dụ: Đơn vị hành chính, địa danh, năm, ...). Phân loại: • Trường nhập liệu chỉ được phép chọn 1 đối tượng: radio button, dropdown list, ... • Được phép chọn nhiều đối tượng: checkbox, ... + Nhập dữ liệu từ tài liệu điện tử (file) đính kèm, bao gồm: file văn bản, file ảnh, file video, ... - Cho phép nhập dữ liệu tự đoán nhận (pre-fill, auto-fill) với loại danh mục có số lượng dữ liệu lớn, hoặc dữ liệu tương tự từ các E-Form đã được điền trước đó.	Người quản trị

41.	Hiển thị nội dung hồ sơ điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị nội dung hồ sơ điện tử theo vai trò được thiết lập của từng đối tượng sử dụng hệ thống: + Người điền E-Form. + Cán bộ xử lý. + Lãnh đạo phê duyệt. + Quản trị hệ thống. 	
42.	Hiển thị thông báo của hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo lỗi nhập dữ liệu. - Thông báo lỗi hệ thống. - Thông báo xác nhận thực hiện gửi dữ liệu thành công. 	Tất cả người sử dụng
Thu thập và xử lý thông tin			
43.	Kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin được nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin người dùng nhập vào E-Form theo các tiêu chí: + Hợp lệ so với quy định đã được thiết lập. + Không trùng lặp với các thông tin đã có trong CSDL (với các nội dung thông tin không cho phép trùng lặp). 	Tất cả người sử dụng
44.	Gửi/ nhận và xử lý dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận và tự động sắp xếp thông tin người sử dụng điền vào E-Form dưới dạng dữ liệu có cấu trúc - Gửi/nhận hồ sơ điện tử tới phân hệ phần mềm MCĐT và hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến dưới dạng dữ liệu có cấu trúc thông qua một trong các phương pháp: + Một trong các chuẩn kết nối ứng dụng công thông tin điện tử: JSR 168, JSR 286, WSRP v1.0, WSRP v2.0. + Cập nhật trực tiếp tới Cơ sở dữ liệu hồ sơ điện tử của phần mềm MCĐT và hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến. - Cho phép Gửi/Nhận hồ sơ điện tử liên thông với các hệ thống CNTT của các cơ quan, đơn vị khác 	Người quản trị
45.	Kết xuất dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép kết xuất hồ sơ điện tử theo các định dạng tùy chọn: HTML, Word, PDF, EXCEL, ... 	

46.	Tích hợp với dịch công vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị danh mục E-Form và danh mục các dịch vụ công trực tuyến tương ứng - Cung cấp giao diện đồ họa để thực hiện thiết lập tham số kết nối giữa E-Form và cổng dịch vụ công của Bộ/tỉnh tương ứng (Tham số kết nối có thể bao gồm: tham số kết nối tới CSDL, tham số kết nối tới giao diện lập trình ứng dụng – API của cổng dịch vụ công trực tuyến ...) - Hủy bỏ tham số kết nối giữa E-Form và cổng cấp dịch vụ công tương ứng 	Quản trị
47.	Tích hợp hệ thống giám sát tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các sự kiện, vết hệ thống tới hệ thống giám sát tập trung 	Hệ thống

Trong quá trình đánh giá có thể thống kê số bước thực hiện để hoàn thành từng chức năng tương ứng.

Ngoài các tiêu chí đánh giá chức năng nêu trên, nhà cung cấp có thể liệt kê những chức năng được nhận định là vượt trội mà hệ thống có trong quá trình kiểm thử.

4. Đánh giá chức năng phần mềm Cổng DVC

STT	Tiêu chí	Mô tả	Đối tượng
1.	Hỗ trợ biểu mẫu điện tử tương tác	<p>Hỗ trợ biểu mẫu điện tử tương tác, với các yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tại các trường nhập dữ liệu trong biểu mẫu, dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu của ứng dụng dịch vụ công trực tuyến phải được cung cấp ở chế độ chọn để người sử dụng không phải nhập lại. 2. Trong biểu mẫu, cần cung cấp chức năng hướng dẫn trực tiếp ngay tại từng nơi nhập dữ liệu để người sử dụng có thể xem ngay hướng dẫn khai báo thông tin, cách sử dụng dịch vụ khi cần thiết. 3. Dịch vụ công trực tuyến cần cung cấp chức năng lưu trữ (ghi ra tệp hoặc in) những thông tin người sử dụng đã nhập vào biểu mẫu điện tử tương tác. 	Công dân, doanh nghiệp, tổ chức

2.	Việc đáp ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2, 3, 4?	Phần mềm hỗ trợ khả năng cung cấp dịch vụ công trực tuyến đến đến mức độ 4 theo Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT	Công dân, doanh nghiệp, tổ chức
3.	Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến	<p>1. Tại mục “Dịch vụ công trực tuyến” trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục, Cục và cơ quan tương đương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo đầy đủ, kịp thời toàn bộ danh sách dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, của các đơn vị thuộc, trực thuộc</p> <p>2. Danh sách các dịch vụ công trực tuyến được phân loại theo ngành, theo lĩnh vực, theo cấp hành chính và thể hiện rõ mức độ của dịch vụ để thuận tiện cho việc tìm kiếm, sử dụng</p> <p>3. Tên của dịch vụ công trực tuyến phải đặt đúng theo tên của thủ tục hành chính tương ứng được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>4. Cung cấp chức năng thêm mới và kiểm duyệt DVC trực tuyến trước khi đưa vào sử dụng</p>	Cán bộ biên tập, Cán bộ tổng biên tập
4.	Tạo lập hồ sơ hành chính điện tử	<p>a) Hồ sơ do người thực hiện thủ tục hành chính nộp trên Cổng DVC sẽ được chuyển vào hệ thống MCDT để cấp Mã số hồ sơ thủ tục hành chính tự động theo yêu cầu tại II.3.5. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính sẽ được sử dụng thống nhất trong hoạt động giao dịch giữa các cơ quan, đơn vị với tổ chức, cá nhân và giữa các cơ quan, đơn vị với nhau.</p> <p>b) Cho phép thực hiện việc tạo lập, nộp, quản lý hồ sơ hành chính điện tử như: nhập hồ sơ, quản lý hồ sơ, xem danh sách hồ sơ, nhập bổ sung hồ sơ, quản lý hồ sơ đã gửi.</p>	Người Quản trị

5.	Trao đổi thông tin với người sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	<p>1. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cần có các chức năng trao đổi thông tin giữa cơ quan cung cấp dịch vụ với người sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ tối thiểu như sau:</p> <p>a) Chức năng cho phép người sử dụng theo dõi, kiểm tra việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>b) Chức năng thông báo tự động cho người sử dụng biết thông tin về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>2. Hình thức thông báo trao đổi thông tin với người sử dụng</p> <p>a) Thông báo trên cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến khi người sử dụng đăng nhập vào dịch vụ;</p> <p>b) Thông báo qua thư điện tử của người sử dụng;</p> <p>c) Thông báo qua tin nhắn trên điện thoại di động của người sử dụng;</p> <p>d) Thông báo qua các dịch vụ trao đổi thông tin trên mạng;</p> <p>đ) Thông báo qua các hình thức khác bằng phương tiện điện tử.</p>	Công dân, doanh nghiệp, tổ chức
6.	Xác thực người sử dụng trong dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	<p>1. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phải xác thực người sử dụng khi người sử dụng thực hiện dịch vụ, phù hợp với yêu cầu của dịch vụ.</p> <p>2. Phương thức xác thực người sử dụng tối thiểu thông qua tên người sử dụng và mật khẩu.</p>	Công dân, doanh nghiệp, tổ chức
7.	Có hướng dẫn tối thiểu phục vụ việc cung cấp	<p>a) Các mục hướng dẫn tối thiểu phục vụ việc cung cấp dịch vụ công bao gồm:</p> <p>- Mục hướng dẫn thực hiện đối với việc thực hiện một số dịch vụ hành chính công thường gặp để giúp người sử dụng biết</p>	Cán bộ biên tập, Cán bộ tổng biên tập, Quản trị hệ thống,

	<p>dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>được các thủ tục, các bước tiến hành khi muốn thực hiện một công việc;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục các câu hỏi thường gặp và nội dung trả lời để giúp người sử dụng có thể tự tìm ra giải đáp được các vướng mắc thông thường khi thực hiện thủ tục hành chính, khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; - Mục tiếp nhận, giải quyết thắc mắc: Gửi thắc mắc trong giải quyết thủ tục hành chính; Tiếp nhận ý thắc mắc trong giải quyết thủ tục hành chính; Hỗ trợ giải đáp thắc mắc trong giải quyết thủ tục hành chính; Tra cứu hỏi đáp trong giải quyết thủ tục hành chính; Gửi ý kiến góp ý cho thủ tục hành chính; Tiếp nhận ý kiến góp ý cho thủ tục hành chính; Trả lời ý kiến góp ý cho thủ tục hành chính. <p>b) Có chức năng biên tập, kiểm duyệt, hiện thị tin bài liên quan đến hướng dẫn sử dụng, tuyên truyền, sự kiện...: Biên tập, kiểm duyệt, xuất bản, hiện thị nội dung tin tức, bài viết hướng dẫn nộp hồ sơ về thủ tục hành chính, DVC trực tuyến, upload tài liệu, download tài liệu, đọc tài liệu trực tuyến...</p>	<p>Công dân (tổ chức)</p>
<p>8.</p>	<p>Yêu cầu đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4</p>	<p>2. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cần đạt được các yêu cầu tối thiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phải tương thích với các trình duyệt Web thông dụng; b) Dễ dàng tìm thấy dịch vụ: người sử dụng dễ dàng tìm được dịch vụ sau tối đa 03 lần bấm chuột từ trang chủ của cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến; dễ dàng tìm được dịch vụ bằng các công cụ tìm kiếm phổ biến; c) Có cơ chế hướng dẫn, tự động khai báo thông tin: hỗ trợ tự động điền các thông tin của người sử dụng nếu các thông tin 	<p>Công dân, doanh nghiệp, tổ chức</p>

		<p>đó đã được người sử dụng cung cấp khi đăng ký tài khoản hoặc trong lần sử dụng dịch vụ trước, thông tin của cơ quan nhà nước đã có trong cơ sở dữ liệu của hệ thống dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ việc điền, kiểm tra thông tin theo các định dạng quy định sẵn; có giải thích chi tiết về thông tin cần nhập (đối với các thông tin có yêu cầu riêng, mang tính chất chuyên ngành);</p> <p>d) Có chức năng để người sử dụng đánh giá sự hài lòng đối với dịch vụ sau khi sử dụng;</p> <p>2. Cổng dịch vụ công phải có chức năng thống kê kết quả giải quyết hồ sơ của các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Mỗi dịch vụ phải thông báo các số liệu thống kê tối thiểu từ đầu năm tới thời điểm hiện tại như sau:</p> <p>a) Số lượng hồ sơ trực tuyến đã tiếp nhận;</p> <p>b) Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết;</p> <p>c) Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được giải quyết đúng hạn;</p> <p>d) Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua hình thức trực tuyến và không trực tuyến;</p> <p>đ) Số lượng dịch vụ công được sử dụng, số lượng dịch vụ công được sử dụng;</p> <p>e) Tình hình xử lý hồ sơ trong tháng, trong quý, trong năm;</p> <p>g) Số liệu về mức độ hài lòng của người sử dụng đối với dịch vụ theo từng nội dung đánh giá quy định tại Điều 12 Thông tư 32/2017/TT-BTTTT.</p>	
9.	Đánh giá sự hài lòng của người sử dụng đối với	<p>1. Nội dung đánh giá</p> <p>a) Đánh giá tổng thể dịch vụ;</p> <p>b) Đánh giá chi tiết dịch vụ, bao gồm:</p>	Công dân, doanh

	dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	<p>đánh giá mức độ thuận tiện khi sử dụng dịch vụ (dịch vụ dễ sử dụng, thời gian đáp ứng của dịch vụ khi giao tiếp, xử lý dữ liệu); mức độ đúng hạn trong xử lý, trả kết quả của cơ quan nhà nước; thái độ hỗ trợ, xử lý dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (độ nhiệt tình, cách giao tiếp của cán bộ, công chức khi hướng dẫn, xử lý);</p> <p>c) Mỗi nội dung đánh giá theo 03 (ba) mức độ: Rất hài lòng, Hài lòng, Chưa hài lòng.</p> <p>2. Chức năng đánh giá cần có tối thiểu nội dung Đánh giá tổng thể quy định ngay bên trên.</p>	<p>ng nghiệp, tổ chức</p>
10.	Tra cứu DVC theo tiêu chí	<p>Cho phép tra cứu DVC theo các tiêu chí cơ bản: Cơ quan cung cấp, theo lĩnh vực, theo mức độ mức độ (1, 2, 3, 4), theo tên thủ tục hành chính, theo nội dung của dịch vụ công</p>	<p>Cán bộ biên tập, Cán bộ tổng biên tập, Quản trị hệ thống, Công dân (tổ chức)</p>
11.	Tạo tham vấn, khảo sát	<p>Cổng DVC cung cấp các chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo câu hỏi trực tuyến - Tra cứu câu hỏi trực tuyến - Trả lời câu hỏi trực tuyến - Quản lý hỏi đáp trực tuyến - Tham vấn ý kiến trực tuyến - Trả lời ý kiến tham vấn 	<p>Cán bộ biên tập, Cán bộ tổng biên tập, Quản trị hệ thống, Công dân (tổ chức)</p>
12.	Tra cứu hồ sơ tại bộ phận một cửa	<p>Cung cấp chức năng Tra cứu hồ sơ tại bộ phận một cửa theo tiêu chí: mã số hồ sơ, thông tin người thực hiện TTHC</p>	<p>Công dân, doanh nghiệp, tổ chức</p>
13.	Đăng ký thông tin	<p>Cung cấp chức năng đăng ký thông tin và tạo tài khoản người sử dụng như: Hỗ trợ đồng bộ với kho người dùng tập trung, quản lý người sử dụng DVC, quản lý</p>	<p>Công dân, doanh nghiệp</p>

	người sử dụng	nhóm người sử dụng DVC, quản lý quyền truy cập, sử dụng DVC	ng nghiệp, tổ chức
14.	Thay đổi ngôn ngữ	Hỗ trợ thay đổi ngôn ngữ của Cổng DVC sang tiếng Anh	Người Quản trị
15.	Ghi lưu nhật ký, thống kê, báo cáo truy cập	Các chức năng bao gồm: - Ghi lưu nhật ký sử dụng của các đối tượng sử dụng DVC trực tuyến; - Thống kê, báo cáo lượng truy cập sử dụng DVC trực tuyến	Cán bộ biên tập, Cán bộ tổng biên tập, Quản trị hệ thống

Ghi chú:

Trong quá trình đánh giá có thể thống kê số bước thực hiện để hoàn thành từng chức năng tương ứng.

Ngoài các tiêu chí đánh giá chức năng nêu trên, nhà cung cấp có thể liệt kê những chức năng được nhận định là vượt trội mà hệ thống có trong quá trình kiểm thử.

5. Đánh giá hiệu năng

STT	Tên phép đánh giá	Mục đích phép đánh giá
1.	Thời gian phản hồi trung bình	Đảm bảo hệ thống có thời gian phản hồi trung bình dưới 2,5 giây đối với mỗi luồng công việc chính riêng rẽ và không bao gồm các luồng mang tính chất thống kê, báo cáo, ... (thời gian phản hồi được tính từ khi người dùng gửi yêu cầu đáp ứng tới hệ thống cho đến khi nhận được dữ liệu phản hồi từ hệ thống)
2.	Thời gian phản hồi chậm nhất	Đảm bảo hệ thống có thời gian phản hồi chậm nhất dưới 30 giây đối với toàn bộ các thao tác trên toàn trang
3.	Hiệu suất làm việc của máy chủ dữ liệu	Đảm bảo hiệu suất làm việc trung bình của CPU trên máy chủ dữ liệu $\leq 75\%$
4.	Hiệu suất làm việc của máy chủ ứng dụng	Đảm bảo hiệu suất làm việc trung bình của CPU trên máy chủ ứng dụng $\leq 75\%$

5.	Truy cập đồng thời	Đảm bảo hệ thống có khả năng đáp ứng ít nhất 5000 truy cập đồng thời
6.	Số người dùng hoạt động đồng thời	Đảm bảo hệ thống có khả năng đáp ứng ít nhất 500 người dùng hoạt động đồng thời (có thực hiện các tác vụ khác nhau phát sinh yêu cầu gửi đến hệ thống)
7.	Thời gian hoạt động liên tục	Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục 24/7

6. Đánh giá an toàn, bảo mật

- Phần mềm MCĐT, DVC nói riêng và toàn bộ hệ thống được đánh giá, kiểm thử (viết tắt là hệ thống) cần đáp ứng khả năng an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều mức: mức mạng, mức xác thực người dùng và mức cơ sở dữ liệu (CSDL); Thiết lập mã hóa TLS v1.2, HTTPS;

- Hệ thống đáp ứng các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Hệ thống hỗ trợ tích hợp và xác thực thông qua các hệ thống danh bạ điện tử (như AD, LDAP), đảm bảo đúng cơ chế đăng nhập một lần đối với cán bộ được phân công tham gia hệ thống của cơ quan hành chính;

- Ngoài ra, việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo các lỗi an toàn thông tin phổ biến như sau:

(1) **Tấn công Injection:** bao gồm các lỗi cho phép thực hiện thành công các kiểu tấn công như SQL Injection, OS Injection, LDAP Injection. Kiểu tấn công này xảy ra khi người dùng gửi các dữ liệu không tin cậy đến ứng dụng web, những dữ liệu này có tác dụng như các câu lệnh với hệ điều hành hoặc các câu truy vấn với cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ cho mục đích xấu.

(2) **Cross Site Scripting (XSS):** Lỗi XSS xảy ra khi ứng dụng web nhận các dữ liệu độc hại và chuyển nó đến trình duyệt cho người dùng mà không xác nhận lại dữ liệu đó có hợp lệ hay không. Kiểu tấn công này cho phép kẻ tấn công thực thi các đoạn mã độc trong trình duyệt của nạn nhân và có thể cướp phiên người dùng hoặc chuyển hướng người dùng đến các trang độc hại khác.

(3) **Insecure Direct Object References (Tham chiếu trực tiếp đối tượng không an toàn):** Việc tham chiếu xảy ra khi nhà phát triển ứng dụng web đưa ra tham chiếu đến một đối tượng bên trong ứng dụng như là một tập tin, một thư mục hay một khóa cơ sở dữ liệu. Nếu việc kiểm tra quá trình tham chiếu này không an

toàn, kẻ tấn công có thể dựa theo để tham chiếu đến các dữ liệu mà họ không có quyền truy cập.

(4) **Cross Site Request Forgery (CSRF)**: là kiểu tấn công mà người dùng bị lợi dụng để thực thi những hành động không mong muốn ngay trên phiên đăng nhập của họ. Thông qua việc gửi người dùng một liên kết qua email hay chat, tin tặc có thể hướng người dùng thực thi một số hành động ngay trên trình duyệt của người dùng (như gửi bài viết, xóa bài viết, v.v..)

(5) **Failure to Restrict URL Access (Thất bại trong việc hạn chế truy cập các URL quản trị)**: Thông thường để vào được các đường dẫn quản trị thì ứng dụng phải kiểm tra người dùng có đủ quyền để truy cập vào đó hay không rồi mới hiển thị URL và các giao diện quản trị tương ứng khác. Để tránh tình trạng người dùng bình thường cũng truy cập vào các URL quản trị, mỗi lần truy cập vào các URL này cần được kiểm tra quyền kỹ càng, nếu không tin tặc có thể truy cập vào các URL này nhằm thực hiện các hành vi độc hại.

(6) **Bẻ gãy sự chứng thực và quản lý phiên**: Những chức năng của ứng dụng liên quan đến sự chứng thực và sự quản lý phiên làm việc thường không khởi tạo đúng, cho phép tin tặc tấn công mật khẩu, khóa và token của phiên làm việc hoặc khai thác lỗ hổng từ những sự khởi tạo này để gán định danh một người sử dụng khác.

(7) **Cấu hình bảo mật không an toàn**: là lỗi liên quan đến việc đặt cấu hình cho ứng dụng, framework, máy chủ web, ứng dụng máy chủ và platform sử dụng những giá trị thiết đặt mặc định hoặc khởi tạo và duy trì những giá trị không an toàn.

(8) **Chuyển hướng và chuyển tiếp không được kiểm tra**: Nhiều ứng dụng thường xuyên chuyển tiếp hoặc chuyển hướng người sử dụng đến những trang hoặc những website và sử dụng những dữ liệu chưa tin tưởng để xác định những trang đích. Không có sự kiểm tra phù hợp, tin tặc có thể chuyển hướng nạn nhân đến các trang giả mạo hoặc các trang có chứa mã độc, hoặc chuyển tiếp đến các trang web đòi làm thủ tục xác thực nhằm đánh cắp thông tin cá nhân.

(9) **Lưu trữ mã hóa không an toàn**: Ứng dụng web không có cơ chế bảo vệ hoặc tuy có cơ chế mã hóa và hashing (băm) dữ liệu để lưu trữ nhưng sử dụng không đúng cách đối với những dữ liệu quan trọng, như là thông tin thẻ tín dụng, thông tin cá nhân và những thông tin chứng thực. Do đó tin tặc có thể lợi dụng những kẽ hở này để đánh cắp những dữ liệu cần được bảo vệ.

(10) **Thiếu sự bảo vệ lớp vận chuyển**: Các ứng dụng không mã hóa dữ liệu khi truyền những thông tin quan trọng, hoặc nếu có mã hóa thì lại chỉ có thể sử dụng các chứng thực hết hạn hoặc không hợp lệ.

7. Đánh giá định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCĐT với Cổng dịch vụ công quốc gia

Hệ thống MCDT và Cổng DVC cần tuân thủ gói tin để phục vụ kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp Bộ, tỉnh (LGSP) để đăng tải công khai tình trạng, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các gói tin bao gồm:

STT	Gói tin	Mô tả
1	Các gói tin phục vụ đồng bộ người sử dụng (Citizen)	
1.1	Citizen/SyncSSO	Đồng bộ người sử dụng của Đơn vị xử lý lên Cổng Dịch vụ Công, phục vụ Single Sign On
1.2	Citizen/UpdateCitizen	Thêm mới Người sử dụng lên Cổng Dịch vụ Công
1.3	Citizen/DeleteCitizen	Xóa Người sử dụng trên Cổng Dịch vụ Công
1.4	Citizen/Authenticate	<ul style="list-style-type: none"> - Xác thực tài khoản trên Cổng Dịch vụ Công. Các Đơn vị xử lý sử dụng Api này để xác thực tài khoản người dùng với hệ thống Cổng Dịch vụ Công; - Khi xác thực thành công, Cổng trả về thông tin công dân; Trường hợp nếu Đơn vị xử lý chưa có tài khoản này thì tự động thêm tài khoản dựa trên thông tin công dân mà Cổng trả về.
2	Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Document)	
2.1	Document/SyncDocument	<p>Đồng bộ hồ sơ một cửa từ các Đơn vị Tiếp nhận hồ sơ lên Cổng Dịch vụ Công.</p> <p>Cơ quan thụ lý sử dụng gói tin này để Gửi hoặc Cập nhật thông tin Hồ sơ một cửa từ đơn vị mình lên Cổng DVC, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu thông tin hồ sơ.</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ Ký duyệt, trả kết quả, Kết thúc, Hủy, ...(theo trường dữ liệu Status trong gói tin).

		- Cập nhật trạng thái yêu cầu bổ sung hồ sơ (theo trường dữ liệu Supplementaries trong gói tin).
2.2	Document/UpdateDocumentTraces	Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ một cửa. Cơ quan thụ lý sử dụng gói tin này để cập nhật tiến độ xử lý Hồ sơ một cửa từ đơn vị mình lên Cổng DVC, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ.
3	Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote)	
3.1	Vote/UpdateVote	Cập nhật số liệu thăm dò ý kiến người dùng về chất lượng dịch vụ lên Cổng Dịch vụ Công
4	Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Statistic)	
	Statistic/UpdateStatistic	Cập nhật số liệu thống kê của đơn vị xử lý lên Cổng DVC. Lưu ý: - Api này chỉ hỗ trợ thống kê các mốc thời gian cố định: Hàng tháng, hàng năm. - Trường hợp nếu muốn tổng hợp số liệu theo một khoảng thời gian bất kỳ: Đơn vị xử lý phải cung cấp Api để Cổng gọi lấy thông tin khi có yêu cầu.

Chi tiết các gói tin được mô tả tại Phụ lục 1.

8. Đánh giá một số tính năng, tiêu chí phi chức năng khác

Yêu cầu tính năng kỹ thuật đáp ứng bao gồm:

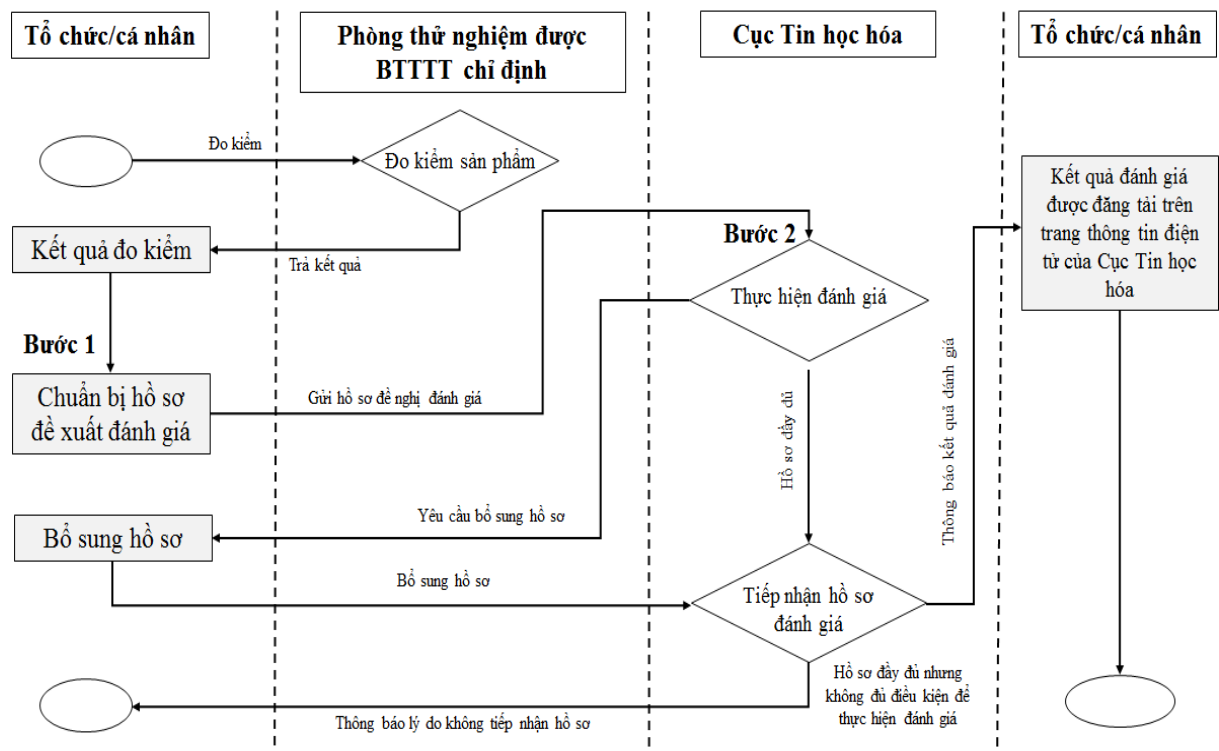
TT	Tính năng kỹ thuật
	Yêu cầu chung
1.	Giao diện với người sử dụng đầu cuối dựa trên nền tảng web, hỗ trợ người dùng cuối sử dụng thiết bị cầm tay thông minh (ví dụ iPhone, iPad)

2.	Cho phép cài đặt theo mô hình máy chủ chính và máy chủ dự phòng
3.	Cho phép cài đặt trong hệ thống mạng có phân vùng bảo mật nhiều lớp
	Yêu cầu về lưu trữ
4.	Cơ sở dữ liệu phải có khả năng lưu trữ với dung lượng lớn, trong thời gian lâu dài
5.	Có khả năng lưu trữ được nhiều định dạng dữ liệu khác nhau như dữ liệu có cấu trúc, dữ liệu phi cấu trúc dưới dạng tệp gắn kèm (dữ liệu tệp văn bản, dữ liệu phim, ảnh, âm thanh)
6.	Chuẩn hóa dữ liệu để lưu trữ theo chuẩn ký tự Unicode
	Yêu cầu về giao diện
7.	Tương thích với các trình duyệt thông dụng hiện nay: Chrome, Internet Explorer, Firefox, Cốc Cốc...
8.	- Cho phép người quản trị tự cấu hình các thông tin hiển thị trong các giao diện tiếp nhận hồ sơ - Giao diện được thiết kế phải đảm bảo mỹ thuật, tiện lợi và dễ sử dụng
9.	Hỗ trợ hiển thị tiếng Việt theo chuẩn Unicode
10.	Tuân thủ các quy định về chuẩn nội dung web, các định dạng văn bản, các định dạng hình ảnh theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT
	Yêu cầu về kết nối thiết bị
11.	Cho phép kết nối với thiết bị đọc, in mã vạch để phục vụ việc tra cứu hồ sơ theo mã vạch.
12.	Cho phép kết nối với máy quét, máy in
13.	Hỗ trợ kết nối với Kiosk tra cứu cảm ứng
14.	Cho phép kết nối tự động với hệ thống xếp hàng/cấp số
15.	Cho phép tra cứu tình trạng hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ qua SMS, điện thoại
	Yêu cầu về trao đổi, tích hợp
16.	- Cung cấp các dữ liệu đầu ra theo chuẩn XML hoặc JSON để phục vụ công tác lập báo cáo theo quy định hiện hành, theo quy định nội bộ của

	<p>đơn vị, đồng thời cung cấp dữ liệu theo các khuôn dạng thống nhất phục vụ quy trình trao đổi thông tin với các hệ thống khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc dữ liệu của tệp XML hoặc JSON được xác định tùy thuộc vào nhu cầu trao đổi thông tin của các hệ thống - Thủ tục trao đổi thông tin với các hệ thống thông tin khác cần có sự thỏa thuận và thống nhất trước khi tiến hành kết nối các hệ thống
17.	- Đảm bảo nguyên tắc cung cấp dữ liệu đầu ra cho các hệ thống thông tin khác và chấp nhận đầu vào từ các hệ thống thông tin khác theo chuẩn XML hoặc JSON để phục vụ quá trình trao đổi thông tin
	Yêu cầu về khai thác, vận hành
18.	Cho phép sao lưu dữ liệu định kỳ và đột xuất
19.	Cho phép phục hồi dữ liệu khi hệ thống gặp sự cố
20.	Cung cấp các báo cáo khai thác, vận hành hệ thống
21.	Cho phép theo dõi, giám sát việc sử dụng tài nguyên hệ thống
22.	Cho phép quản lý và sử dụng chữ ký số cho các đối tượng trong hệ thống như người dùng, máy chủ. Sử dụng chữ ký số đảm bảo hoạt động được trên máy tính và các thiết bị cầm tay thông minh (ví dụ: điện thoại thông tin, máy tính bảng) tuân thủ quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông
23.	Cho phép kiểm soát việc truy cập đồng thời của cùng một tài khoản người dùng trên nhiều máy tính khác nhau
24.	Cho phép xem và chỉnh sửa trực tiếp trên trình duyệt các tệp đính kèm với một số định dạng phổ biến (ví dụ: .doc; .docx; .xls; .xlsx; .pdf; .rtf)
25.	Có các cơ chế chống gửi thông tin rác (dưới dạng captcha, audio, ...)
26.	Cho phép kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông

III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ

1. Về trình tự thực hiện đánh giá



Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đề xuất đánh giá

- Tổ chức, cá nhân thực hiện đo kiểm phần mềm MCĐT, Cổng DVC tại các phòng đo kiểm phần mềm được Bộ TTTT chỉ định
- Kết quả đo kiểm là căn cứ chính để thực hiện đánh giá
- Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ và gửi hồ sơ đề nghị Cục Tin học hóa thực hiện đánh giá (thành phần hồ sơ trình bày tại Mục III.2)

Bước 2: Thực hiện đánh giá

- Cục Tin học hóa xem xét sự đầy đủ của hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ (thành phần hồ sơ trình bày tại Mục III.2) để thực hiện đánh giá, Cục Tin học hóa có văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức bổ sung hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ đề nghị đánh giá đầy đủ nhưng không đủ điều kiện để đánh giá (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác không tuân thủ quy định của pháp luật) thì Cục Tin học hóa có văn bản thông báo lý do không tiếp nhận và không thực hiện đánh giá;
- Cục Tin học hóa tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và thực hiện đánh giá theo kế hoạch được thống nhất giữa Cục Tin học hóa với cá nhân, tổ chức đề nghị đánh giá phần mềm MCĐT, Cổng DVC;
- Kết quả đánh giá được thông báo trên trang thông tin điện tử của Cục Tin học hóa.

2. Hồ sơ đề xuất đánh giá

Hồ sơ đề xuất đánh giá bao gồm:

(1) Văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, văn bản đề nghị đánh giá của cá nhân, tổ chức;

(2) Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh, sở hữu trí tuệ đối với phần mềm MCDT, Công DVC của tổ chức, cá nhân đề xuất thực hiện đánh giá (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

(3) Báo cáo tự đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với việc đáp ứng các tiêu chí, kèm theo tài liệu mô tả, thiết kế của hệ thống, các tài liệu khác nhằm thể hiện sự đáp ứng theo các tiêu chí bên trên;

(4) Bản sao y bản chính của kết quả đo kiểm của đơn vị cho chức năng đo kiểm phần mềm được Bộ TTTT chỉ định trong vòng 12 tháng kể từ ngày gửi hồ sơ đề xuất đánh giá.

Phục lục 1: Gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCDT với Cổng dịch vụ công quốc gia

1.1. Các gói tin phục vụ đồng bộ người sử dụng (Citizen)

1.1.1. Gói tin đồng bộ người sử dụng của Đơn vị xử lý lên Cổng Dịch vụ Công, phục vụ Single Sign On (Citizen/SyncSSO)

POST api/Citizen

Đồng bộ người sử dụng của Đơn vị xử lý lên Cổng Dịch vụ Công, phục vụ Single Sign On.

Request Information

URI Parameters

None.

Body Parameters

Gói tin danh sách người dùng.

Collection of Citizen

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	None.
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	None.
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	None.
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	None.
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	None.
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	None.

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	None.
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	None.
Fax	Số fax của người dùng.	string	None.
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	None.

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```
[
  {
    "UserName": "sample string 1",
    "PasswordHash": "QEA=",
    "PasswordSalt": "QEA=",
    "FullName": "sample string 2",
    "IdentityCard": "sample string 3",
    "BussinessNumb": "sample string 4",
    "Gender": true,
    "Phone": "sample string 5",
    "Address": "sample string 6",
    "Email": "sample string 7",
    "Fax": "sample string 8",
    "Attachments": [
      {
```

```
"AttachmentId": "sample string 1",
"AttachmentName": "sample string 2",
"IsDeleted": true,
"Size": 4,
"Base64": "sample string 5"
},
{
  "AttachmentId": "sample string 1",
  "AttachmentName": "sample string 2",
  "IsDeleted": true,
  "Size": 4,
  "Base64": "sample string 5"
}
],
{
  "UserName": "sample string 1",
  "PasswordHash": "QEA=",
  "PasswordSalt": "QEA=",
  "FullName": "sample string 2",
  "IdentityCard": "sample string 3",
  "BussinessNumb": "sample string 4",
  "Gender": true,
  "Phone": "sample string 5",
  "Address": "sample string 6",
  "Email": "sample string 7",
  "Fax": "sample string 8",
  "Attachments": [
    {
      "AttachmentId": "sample string 1",
      "AttachmentName": "sample string 2",
      "IsDeleted": true,
      "Size": 4,
```

```

    "Base64": "sample string 5"
  },
  {
    "AttachmentId": "sample string 1",
    "AttachmentName": "sample string 2",
    "IsDeleted": true,
    "Size": 4,
    "Base64": "sample string 5"
  }
]
}
]

```

application/xml, text/xml

Sample:

```

<ArrayOfCitizen xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <Citizen>
    <Address>sample string 6</Address>
    <Attachments>
      <Attachment>
        <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
        <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
        <Base64>sample string 5</Base64>
        <IsDeleted>true</IsDeleted>
        <Size>4</Size>
      </Attachment>
      <Attachment>
        <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
        <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
        <Base64>sample string 5</Base64>
        <IsDeleted>true</IsDeleted>
        <Size>4</Size>
      </Attachment>
    </Attachments>
  </Citizen>
</ArrayOfCitizen>

```

```
</Attachments>
<BussinessNumb>sample string 4</BussinessNumb>
<Email>sample string 7</Email>
<Fax>sample string 8</Fax>
<FullName>sample string 2</FullName>
<Gender>>true</Gender>
<IdentityCard>sample string 3</IdentityCard>
<PasswordHash>QEA=</PasswordHash>
<PasswordSalt>QEA=</PasswordSalt>
<Phone>sample string 5</Phone>
<UserName>sample string 1</UserName>
</Citizen>
<Citizen>
  <Address>sample string 6</Address>
  <Attachments>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
      <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
      <Base64>sample string 5</Base64>
      <IsDeleted>>true</IsDeleted>
      <Size>4</Size>
    </Attachment>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
      <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
      <Base64>sample string 5</Base64>
      <IsDeleted>>true</IsDeleted>
      <Size>4</Size>
    </Attachment>
  </Attachments>
  <BussinessNumb>sample string 4</BussinessNumb>
  <Email>sample string 7</Email>
  <Fax>sample string 8</Fax>
```

```
<FullName>sample string 2</FullName>
<Gender>true</Gender>
<IdentityCard>sample string 3</IdentityCard>
<PasswordHash>QEA=</PasswordHash>
<PasswordSalt>QEA=</PasswordSalt>
<Phone>sample string 5</Phone>
<UserName>sample string 1</UserName>
</Citizen>
</ArrayOfCitizen>
```

application/x-www-form-urlencoded

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

True: Đồng bộ thành công; False: đồng bộ lỗi.

boolean

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

```
true
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">true</boolean>
```

1.1.2. Gói tin thêm mới Người sử dụng lên Cổng Dịch vụ Công (Citizen/UpdateCitizen)

Request Information

URI Parameters

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
hasUpdating	Trạng thái xác định là Thêm mới Người sử dụng hoặc update.	boolean	Default value is False

Body Parameters

Thông tin gói tin Người sử dụng.

Citizen

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	None.
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	None.
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	None.
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	None.
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	None.
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	None.
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Data type: PhoneNumber

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
Address	Địa chỉ người dùng.	string	None.
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	None.
Fax	Số fax của người dùng.	string	None.
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	None.

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```
{
  "UserName": "sample string 1",
  "PasswordHash": "QEA=",
  "PasswordSalt": "QEA=",
  "FullName": "sample string 2",
  "IdentityCard": "sample string 3",
  "BussinessNumb": "sample string 4",
  "Gender": true,
  "Phone": "sample string 5",
  "Address": "sample string 6",
  "Email": "sample string 7",
  "Fax": "sample string 8",
  "Attachments": [
    {
      "AttachmentId": "sample string 1",
      "AttachmentName": "sample string 2",
      "IsDeleted": true,
      "Size": 4,
    }
  ]
}
```

```

    "Base64": "sample string 5"
  },
  {
    "AttachmentId": "sample string 1",
    "AttachmentName": "sample string 2",
    "IsDeleted": true,
    "Size": 4,
    "Base64": "sample string 5"
  }
]
}

```

application/xml, text/xml

Sample:

```

<Citizen xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <Address>sample string 6</Address>
  <Attachments>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
      <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
      <Base64>sample string 5</Base64>
      <IsDeleted>true</IsDeleted>
      <Size>4</Size>
    </Attachment>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
      <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
      <Base64>sample string 5</Base64>
      <IsDeleted>true</IsDeleted>
      <Size>4</Size>
    </Attachment>
  </Attachments>
  <BussinessNumb>sample string 4</BussinessNumb>
  <Email>sample string 7</Email>

```

```
<Fax>sample string 8</Fax>
<FullName>sample string 2</FullName>
<Gender>>true</Gender>
<IdentityCard>sample string 3</IdentityCard>
<PasswordHash>QEA=</PasswordHash>
<PasswordSalt>QEA=</PasswordSalt>
<Phone>sample string 5</Phone>
<UserName>sample string 1</UserName>
</Citizen>
```

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

True: Đồng bộ thành công; False: đồng bộ lỗi.

boolean

Response Formats

Sample:

true

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">>true</boolean>
```

1.1.3. Gói tin Xóa Người sử dụng trên Cổng Dịch vụ Công (Citizen/DeleteCitizen)

DELETE api/Citizen

Xóa Người sử dụng trên Cổng Dịch vụ Công.

Request Information

URI Parameters

None.

Body Parameters

Thông tin gói tin Người sử dụng.

[Citizen](#)

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	None.
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	None.
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	None.
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	None.
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	None.
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	None.
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	None.
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	None.
Fax	Số fax của người dùng.	string	None.
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	None.

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```

{
  "UserName": "sample string 1",
  "PasswordHash": "QEA=",
  "PasswordSalt": "QEA=",
  "FullName": "sample string 2",
  "IdentityCard": "sample string 3",
  "BussinessNumb": "sample string 4",
  "Gender": true,
  "Phone": "sample string 5",
  "Address": "sample string 6",
  "Email": "sample string 7",
  "Fax": "sample string 8",
  "Attachments": [
    {
      "AttachmentId": "sample string 1",
      "AttachmentName": "sample string 2",
      "IsDeleted": true,
      "Size": 4,
      "Base64": "sample string 5"
    },
    {
      "AttachmentId": "sample string 1",
      "AttachmentName": "sample string 2",
      "IsDeleted": true,
      "Size": 4,
      "Base64": "sample string 5"
    }
  ]
}

```

application/xml, text/xml

Sample:

```

<Citizen xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <Address>sample string 6</Address>
  <Attachments>
    <Attachment>

```

```
<AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
<AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
<Base64>sample string 5</Base64>
<IsDeleted>true</IsDeleted>
<Size>4</Size>
</Attachment>
<Attachment>
  <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
  <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
  <Base64>sample string 5</Base64>
  <IsDeleted>true</IsDeleted>
  <Size>4</Size>
</Attachment>
</Attachments>
<BusinessNumb>sample string 4</BusinessNumb>
<Email>sample string 7</Email>
<Fax>sample string 8</Fax>
<FullName>sample string 2</FullName>
<Gender>true</Gender>
<IdentityCard>sample string 3</IdentityCard>
<PasswordHash>QEA=</PasswordHash>
<PasswordSalt>QEA=</PasswordSalt>
<Phone>sample string 5</Phone>
<UserName>sample string 1</UserName>
</Citizen>
```

application/x-www-form-urlencoded

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

True: Đồng bộ thành công; False: đồng bộ lỗi.

boolean

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

true

application/xml, text/xml

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">true</boolean>
```

1.1.4. Gói tin xác thực tài khoản trên cổng dịch vụ công (Citizen/Authenticate)

POST api/Citizen?userName={userName}&password={password}

Xác thực tài khoản trên Cổng Dịch vụ Công.
 Các Đơn vị xử lý sử dụng Api này để xác thực tài khoản người dùng với hệ thống Cổng Dịch vụ Công.

 Khi xác thực thành công, Cổng trả về thông tin công dân; Trường hợp nếu Đơn vị xử lý chưa có tài khoản này thì tự động thêm tài khoản dựa trên thông tin công dân mà Cổng trả về.

Request Information

URI Parameters

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
userName	Tài khoản người dùng.	string	Required
password	Mật khẩu người dùng.	string	Required

Body Parameters

None.

Response Information

Resource Description

[Citizen](#)

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	None.

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	None.
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	None.
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	None.
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	None.
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	None.
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	None.
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	None.
Fax	Số fax của người dùng.	string	None.
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	None.

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

```
{
  "UserName": "sample string 1",
  "PasswordHash": "QEA=",
  "PasswordSalt": "QEA=",
```

```
"FullName": "sample string 2",
"IdentityCard": "sample string 3",
"BussinessNumb": "sample string 4",
"Gender": true,
"Phone": "sample string 5",
"Address": "sample string 6",
"Email": "sample string 7",
"Fax": "sample string 8",
"Attachments": [
  {
    "AttachmentId": "sample string 1",
    "AttachmentName": "sample string 2",
    "IsDeleted": true,
    "Size": 4,
    "Base64": "sample string 5"
  },
  {
    "AttachmentId": "sample string 1",
    "AttachmentName": "sample string 2",
    "IsDeleted": true,
    "Size": 4,
    "Base64": "sample string 5"
  }
]
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<Citizen xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <Address>sample string 6</Address>
  <Attachments>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
```

```

<AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
<Base64>sample string 5</Base64>
<IsDeleted>true</IsDeleted>
<Size>4</Size>
</Attachment>
<Attachment>
  <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
  <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
  <Base64>sample string 5</Base64>
  <IsDeleted>true</IsDeleted>
  <Size>4</Size>
</Attachment>
</Attachments>
<BusinessNumb>sample string 4</BusinessNumb>
<Email>sample string 7</Email>
<Fax>sample string 8</Fax>
<FullName>sample string 2</FullName>
<Gender>true</Gender>
<IdentityCard>sample string 3</IdentityCard>
<PasswordHash>QEA=</PasswordHash>
<PasswordSalt>QEA=</PasswordSalt>
<Phone>sample string 5</Phone>
<UserName>sample string 1</UserName>
</Citizen>

```

1.2. Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Document)

1.2.1. Gói tin Đồng bộ hồ sơ một cửa từ các Đơn vị Tiếp nhận hồ sơ lên Cổng Dịch vụ Công (Document/SyncDocument)

POST api/Document?isUpdating={isUpdating}

Đồng bộ hồ sơ một cửa từ các Đơn vị Tiếp nhận hồ sơ lên Cổng Dịch vụ Công.
 Cơ quan thụ lý sử dụng gói tin này để Gửi hoặc Cập nhật thông tin Hồ sơ một cửa từ đơn vị mình lên Cổng DVC, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu thông tin hồ sơ.
 Bao gồm:
 - Cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ Ký duyệt, trả kết quả, Kết thúc, Hủy, ...(theo trường dữ

liệu Status trong gói tin).</br>
- Cập nhật trạng thái yêu cầu bổ sung hồ sơ (theo trường dữ liệu Supplementaries trong gói tin).</br>

Request Information

URI Parameters

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
isUpdating	Trạng thái xác định đang thêm mới hay cập nhật; True = Cập nhật; False = Thêm mới	boolean	Default value is False

Body Parameters

Thông tin Gói tin Hồ sơ một cửa.

[Document](#)

Trên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
DocTypeCode		string	None.
DocTypeName	Tên loại thủ tục	string	None.
DocCode	Lấy hoặc thiết lập Mã hồ sơ đã được đơn vị thụ lý đồng ý tiếp nhận.	string	None.
OnlineDocCode	Mã hồ sơ được cấp tạm khi đăng ký qua mạng.	string	None.
CitizenName	Tên Công dân, Tổ chức đăng ký hồ sơ một cửa	string	None.
CitizenInfo	Thông tin khác về công dân, tổ chức	string	None.
IdentityCard	Số CMND, số thẻ căn cước công dân	string	None.
Address	Địa chỉ công dân, tổ chức	string	None.
Email	Địa chỉ thư điện tử của công dân, tổ chức	string	None.

Trên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
Phone	Số điện thoại liên hệ của công dân, tổ chức	string	None.
Compendium	Trích yếu hồ sơ một cửa:	string	None.
DateReceived	Ngày tiếp nhận hồ sơ	date	None.
DateAppointed	Ngày hẹn trả hồ sơ	date	None.
IsSuccess	Trạng thái xử lý cuối cùng của hồ sơ. <para> - True: Đã duyệt;</para><para> - False: Không duyệt;</para><para> - Null: Chưa duyệt;</para>	boolean	None.
DateSuccess	Ngày duyệt hồ sơ	date	None.
ApproverName	Người duyệt hồ sơ	string	None.
ApproverPosition	Chức vụ của người duyệt hồ sơ	string	None.
SuccessNote	Thông tin Duyệt hồ sơ <para> Vd: lý do không duyệt, ... </para>	string	None.
IsReturned	Tập trạng thái đã trả kết quả hồ sơ. <para> - True: Đã trả kết quả</para><para> - False: Chưa trả kết quả</para><para> - Null: Không trả kết quả</para>	boolean	None.
DateReturned	Ngày trả kết quả hồ sơ cho công dân, tổ chức	date	None.
ReturnNote	Thông tin trả kết quả <para> Vd: Ông bà Nguyễn Văn A đã nhận kết quả hồ sơ (0987987894) </para>	string	None.

Trên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
TypeReturned	Hình thức trả kết quả: <para> 0 - Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; </para><para> 1 - Trả kết quả qua đường bưu điện; </para>	integer	None.
DateFinished	Ngày kết thúc xử lý hồ sơ	date	None.
Status	Trạng thái xử lý hồ sơ một cửa. <para> - 0: Hồ sơ vừa đăng ký, đang chờ cán bộ một cửa tiếp nhận.</para><para> - 2: Hồ sơ đã được thụ lý, đang xử lý.</para><para> - 4: Hồ sơ đã kết thúc xử lý.</para><para> - 8: Hồ sơ đã hủy.</para><para> - 16: Hồ sơ đang dừng xử lý: đang liên thông, đang chờ bổ sung, đang chờ kết quả đo đạc, ...</para>	byte	None.
Organization	Đơn vị thụ lý hồ sơ một cửa <para> Vd: Sở TTTT Tỉnh BRVT. </para>	string	None.
HasSupplementary	Trạng thái hồ sơ đang có yêu cầu bổ sung hay không. <para> - True: Có yêu cầu bổ sung</para><para> - False: Không có yêu cầu bổ sung</para>	boolean	None.
DateRequireSupplementary	Lấy hoặc thiết lập ngày yêu cầu bổ sung	date	None.
Note	Ghi chú thông tin khác	string	None.
Attachments	Lấy hoặc thiết lập Các tệp đính kèm liên quan	Collection of Attachment	None.

Trên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
DocFees	Lệ phí thu kèm theo hồ sơ một cửa	Collection of DocFee	None.
DocPapers	Giấy tờ thu kèm theo hồ sơ một cửa	Collection of DocPaper	None.
Supplementaries	Danh sách các yêu cầu bổ sung hồ sơ.	Collection of Supplementary	None.
OrganizationId	Mã định danh của cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ	string	Required
OrganizationName	Tên cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ một cửa	string	Max length: 255

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```
{
  "DocTypeCode": "sample string 1",
  "DocTypeName": "sample string 2",
  "DocCode": "sample string 3",
  "OnlineDocCode": "sample string 4",
  "CitizenName": "sample string 5",
  "CitizenInfo": "sample string 6",
  "IdentityCard": "sample string 7",
  "Address": "sample string 8",
  "Email": "sample string 9",
  "Phone": "sample string 10",
  "Compendium": "sample string 11",
  "DateReceived": "2018-05-16T09:02:50.7992737+07:00",
  "DateAppointed": "2018-05-16T09:02:50.8002748+07:00",
  "IsSuccess": true,
}
```

```
"DateSuccess": "2018-05-16T09:02:50.8002748+07:00",
"ApproverName": "sample string 14",
"ApproverPosition": "sample string 15",
"SuccessNote": "sample string 16",
"IsReturned": true,
"DateReturned": "2018-05-16T09:02:50.8002748+07:00",
"ReturnNote": "sample string 17",
"TypeReturned": 18,
"DateFinished": "2018-05-16T09:02:50.8012771+07:00",
"Status": 64,
"Organization": "sample string 20",
"HasSupplementary": true,
"DateRequireSupplementary": "2018-05-16T09:02:50.8012771+07:00",
"Note": "sample string 22",
"Attachments": [
  {
    "AttachmentId": "sample string 1",
    "AttachmentName": "sample string 2",
    "IsDeleted": true,
    "Size": 4,
    "Base64": "sample string 5"
  },
  {
    "AttachmentId": "sample string 1",
    "AttachmentName": "sample string 2",
    "IsDeleted": true,
    "Size": 4,
    "Base64": "sample string 5"
  }
],
"DocFees": [
  {
    "FeeName": "sample string 1",
```



```
"Price": 2,
"FeeType": 3
},
{
  "FeeName": "sample string 1",
  "Price": 2,
  "FeeType": 3
}
],
"DocPapers": [
  {
    "PaperName": "sample string 1",
    "Amount": 2,
    "PaperType": 3
  },
  {
    "PaperName": "sample string 1",
    "Amount": 2,
    "PaperType": 3
  }
],
"Supplementaries": [
  {
    "SupplementaryId": 1,
    "UserSend": "sample string 2",
    "CommentSend": "sample string 3",
    "DateSend": "2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00",
    "UserReceived": "sample string 5",
    "CommentReceived": "sample string 6",
    "DateReceived": "2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00",
    "IsReceived": true,
    "Papers": [
      {
```

```
"PaperName": "sample string 1",
"Amount": 2,
"PaperType": 3
},
{
  "PaperName": "sample string 1",
  "Amount": 2,
  "PaperType": 3
}
],
"Fees": [
  {
    "FeeName": "sample string 1",
    "Price": 2,
    "FeeType": 3
  },
  {
    "FeeName": "sample string 1",
    "Price": 2,
    "FeeType": 3
  }
],
"OldDateAppointed": "2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00",
"NewDateAppointed": "2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00"
},
{
  "SupplementaryId": 1,
  "UserSend": "sample string 2",
  "CommentSend": "sample string 3",
  "DateSend": "2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00",
  "UserReceived": "sample string 5",
  "CommentReceived": "sample string 6",
  "DateReceived": "2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00",
```

```
"IsReceived": true,
"Papers": [
  {
    "PaperName": "sample string 1",
    "Amount": 2,
    "PaperType": 3
  },
  {
    "PaperName": "sample string 1",
    "Amount": 2,
    "PaperType": 3
  }
],
"Fees": [
  {
    "FeeName": "sample string 1",
    "Price": 2,
    "FeeType": 3
  },
  {
    "FeeName": "sample string 1",
    "Price": 2,
    "FeeType": 3
  }
],
"OldDateAppointed": "2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00",
"NewDateAppointed": "2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00"
}
],
"OrganizationId": "sample string 23",
"OrganizationName": "sample string 24"
}
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<Document xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <OrganizationId>sample string 23</OrganizationId>
  <OrganizationName>sample string 24</OrganizationName>
  <Address>sample string 8</Address>
  <ApproverName>sample string 14</ApproverName>
  <ApproverPosition>sample string 15</ApproverPosition>
  <Attachments>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
      <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
      <Base64>sample string 5</Base64>
      <IsDeleted>true</IsDeleted>
      <Size>4</Size>
    </Attachment>
    <Attachment>
      <AttachmentId>sample string 1</AttachmentId>
      <AttachmentName>sample string 2</AttachmentName>
      <Base64>sample string 5</Base64>
      <IsDeleted>true</IsDeleted>
      <Size>4</Size>
    </Attachment>
  </Attachments>
  <CitizenInfo>sample string 6</CitizenInfo>
  <CitizenName>sample string 5</CitizenName>
  <Compendium>sample string 11</Compendium>
  <DateAppointed>2018-05-16T09:02:50.8002748+07:00</DateAppointed>
  <DateFinished>2018-05-16T09:02:50.8012771+07:00</DateFinished>
  <DateReceived>2018-05-16T09:02:50.7992737+07:00</DateReceived>
  <DateRequireSupplementary>2018-05-
16T09:02:50.8012771+07:00</DateRequireSupplementary>
  <DateReturned>2018-05-16T09:02:50.8002748+07:00</DateReturned>
```

```
<DateSuccess>2018-05-16T09:02:50.8002748+07:00</DateSuccess>
<DocCode>sample string 3</DocCode>
<DocFees>
  <DocFee>
    <FeeName>sample string 1</FeeName>
    <FeeType>3</FeeType>
    <Price>2</Price>
  </DocFee>
  <DocFee>
    <FeeName>sample string 1</FeeName>
    <FeeType>3</FeeType>
    <Price>2</Price>
  </DocFee>
</DocFees>
<DocPapers>
  <DocPaper>
    <Amount>2</Amount>
    <PaperName>sample string 1</PaperName>
    <PaperType>3</PaperType>
  </DocPaper>
  <DocPaper>
    <Amount>2</Amount>
    <PaperName>sample string 1</PaperName>
    <PaperType>3</PaperType>
  </DocPaper>
</DocPapers>
<DocTypeCode>sample string 1</DocTypeCode>
<DocTypeName>sample string 2</DocTypeName>
<Email>sample string 9</Email>
<HasSupplementary>true</HasSupplementary>
<IdentityCard>sample string 7</IdentityCard>
<IsReturned>true</IsReturned>
<IsSuccess>true</IsSuccess>
```

```
<Note>sample string 22</Note>
<OnlineDocCode>sample string 4</OnlineDocCode>
<Organization>sample string 20</Organization>
<Phone>sample string 10</Phone>
<ReturnNote>sample string 17</ReturnNote>
<Status>64</Status>
<SuccessNote>sample string 16</SuccessNote>
<Supplementaries>
  <Supplementary>
    <CommentReceived>sample string 6</CommentReceived>
    <CommentSend>sample string 3</CommentSend>
    <DateReceived>2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00</DateReceived>
    <DateSend>2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00</DateSend>
    <Fees>
      <DocFee>
        <FeeName>sample string 1</FeeName>
        <FeeType>3</FeeType>
        <Price>2</Price>
      </DocFee>
      <DocFee>
        <FeeName>sample string 1</FeeName>
        <FeeType>3</FeeType>
        <Price>2</Price>
      </DocFee>
    </Fees>
    <IsReceived>true</IsReceived>
    <NewDateAppointed>2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00</NewDateAppointed>
    <OldDateAppointed>2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00</OldDateAppointed>
    <Papers>
      <DocPaper>
        <Amount>2</Amount>
        <PaperName>sample string 1</PaperName>
        <PaperType>3</PaperType>
```

```
</DocPaper>
<DocPaper>
  <Amount>2</Amount>
  <PaperName>sample string 1</PaperName>
  <PaperType>3</PaperType>
</DocPaper>
</Papers>
<SupplementaryId>1</SupplementaryId>
<UserReceived>sample string 5</UserReceived>
<UserSend>sample string 2</UserSend>
</Supplementary>
<Supplementary>
  <CommentReceived>sample string 6</CommentReceived>
  <CommentSend>sample string 3</CommentSend>
  <DateReceived>2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00</DateReceived>
  <DateSend>2018-05-16T09:02:50.8042785+07:00</DateSend>
  <Fees>
    <DocFee>
      <FeeName>sample string 1</FeeName>
      <FeeType>3</FeeType>
      <Price>2</Price>
    </DocFee>
    <DocFee>
      <FeeName>sample string 1</FeeName>
      <FeeType>3</FeeType>
      <Price>2</Price>
    </DocFee>
  </Fees>
  <IsReceived>true</IsReceived>
  <NewDateAppointed>2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00</NewDateAppointed>
  <OldDateAppointed>2018-05-16T09:02:50.8052805+07:00</OldDateAppointed>
  <Papers>
    <DocPaper>
```

```
<Amount>2</Amount>
<PaperName>sample string 1</PaperName>
<PaperType>3</PaperType>
</DocPaper>
<DocPaper>
  <Amount>2</Amount>
  <PaperName>sample string 1</PaperName>
  <PaperType>3</PaperType>
</DocPaper>
</Papers>
<SupplementaryId>1</SupplementaryId>
<UserReceived>sample string 5</UserReceived>
<UserSend>sample string 2</UserSend>
</Supplementary>
</Supplementaries>
<TypeReturned>18</TypeReturned>
</Document>
```

application/x-www-form-urlencoded

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

True: Đồng bộ thành công; Còn lại: không thành công.

boolean

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

```
true
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">true</boolean>
```


1.2.2. Gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ một cửa (Document/UpdateDocumentTraces)

POST api/Document

Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ một cửa.
Cơ quan thụ lý sử dụng gói tin này để cập nhật tiến độ xử lý Hồ sơ một cửa từ đơn vị mình lên Cổng DVC, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ.</br>

Request Information

URI Parameters

None.

Body Parameters

Collection of [DocumentTrace](#)

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
DocumentId	Id của hồ sơ một cửa trong hệ thống của Đơn vị xử lý	string	None.
DocCode	Mã hồ sơ	string	None.
UserName	Người xử lý	string	None.
UserPosition	Chức vụ của người xử lý	string	None.
DateCreated	Thời điểm xử lý hồ sơ	date	None.
Comment	Nội dung xử lý	string	None.
Status	Trạng thái hồ sơ	integer	None.
OrganizationId	Mã định danh của cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ	string	Required
OrganizationName	Tên cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ một cửa	string	Max length: 255

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```
[
  {
    "DocumentId": "sample string 1",
    "DocCode": "sample string 2",
    "UserName": "sample string 3",
    "UserPosition": "sample string 4",
    "DateCreated": "2018-05-16T09:07:10.755729+07:00",
    "Comment": "sample string 6",
    "Status": 7,
    "OrganizationId": "sample string 8",
    "OrganizationName": "sample string 9"
  },
  {
    "DocumentId": "sample string 1",
    "DocCode": "sample string 2",
    "UserName": "sample string 3",
    "UserPosition": "sample string 4",
    "DateCreated": "2018-05-16T09:07:10.755729+07:00",
    "Comment": "sample string 6",
    "Status": 7,
    "OrganizationId": "sample string 8",
    "OrganizationName": "sample string 9"
  }
]
```

application/xml, text/xml**Sample:**

```
<ArrayOfDocumentTrace xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <DocumentTrace>
    <OrganizationId>sample string 8</OrganizationId>
    <OrganizationName>sample string 9</OrganizationName>
    <Comment>sample string 6</Comment>
```

```

<DateCreated>2018-05-16T09:07:10.755729+07:00</DateCreated>
<DocCode>sample string 2</DocCode>
<DocumentId>sample string 1</DocumentId>
<Status>7</Status>
<UserName>sample string 3</UserName>
<UserPosition>sample string 4</UserPosition>
</DocumentTrace>
<DocumentTrace>
  <OrganizationId>sample string 8</OrganizationId>
  <OrganizationName>sample string 9</OrganizationName>
  <Comment>sample string 6</Comment>
  <DateCreated>2018-05-16T09:07:10.755729+07:00</DateCreated>
  <DocCode>sample string 2</DocCode>
  <DocumentId>sample string 1</DocumentId>
  <Status>7</Status>
  <UserName>sample string 3</UserName>
  <UserPosition>sample string 4</UserPosition>
</DocumentTrace>
</ArrayOfDocumentTrace>

```

application/x-www-form-urlencoded

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

<param name="documentTraces">Danh sách tiến độ xử lý hồ sơ.</param> True: Cập nhật thành công; Còn lại: Cập nhật không thành công.

boolean

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

```
true
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">true</boolean>
```

1.3. Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote)

POST api/Vote

Cập nhật số liệu thăm dò ý kiến người dùng về chất lượng dịch vụ lên Cổng Dịch vụ Công.

Request Information

URI Parameters

None.

Body Parameters

Số liệu thăm dò.

[Vote](#)

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
DateCreated	Ngày tổng hợp số liệu.	date	None.
TotalVoted	Tổng số người tham gia đánh giá.	integer	None.
PercentGood	Phần trăm đánh giá dịch vụ tốt.	decimal number	None.
PercentBad	Phần trăm đánh giá dịch vụ không tốt.	decimal number	None.
Questions	Chi tiết nội dung thăm dò ý kiến.	Collection of Question	None.
OrganizationId	Mã định danh của cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ	string	Required
OrganizationName	Tên cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ một cửa	string	Max length: 255

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```
{
  "DateCreated": "2018-05-16T09:10:35.128346+07:00",
  "TotalVoted": 2,
  "PercentGood": 3.1,
  "PercentBad": 4.1,
  "Questions": [
    {
      "DocTypeCode": "sample string 1",
      "Content": "sample string 2",
      "PercentGood": 3.1,
      "PercentBad": 4.1
    },
    {
      "DocTypeCode": "sample string 1",
      "Content": "sample string 2",
      "PercentGood": 3.1,
      "PercentBad": 4.1
    }
  ],
  "OrganizationId": "sample string 5",
  "OrganizationName": "sample string 6"
}
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<Vote xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <OrganizationId>sample string 5</OrganizationId>
  <OrganizationName>sample string 6</OrganizationName>
  <DateCreated>2018-05-16T09:10:35.128346+07:00</DateCreated>
  <PercentBad>4.1</PercentBad>
  <PercentGood>3.1</PercentGood>
```

```
<Questions>
  <Question>
    <Content>sample string 2</Content>
    <DocTypeCode>sample string 1</DocTypeCode>
    <PercentBad>4.1</PercentBad>
    <PercentGood>3.1</PercentGood>
  </Question>
  <Question>
    <Content>sample string 2</Content>
    <DocTypeCode>sample string 1</DocTypeCode>
    <PercentBad>4.1</PercentBad>
    <PercentGood>3.1</PercentGood>
  </Question>
</Questions>
<TotalVoted>2</TotalVoted>
</Vote>
```

application/x-www-form-urlencoded

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

True: Đồng bộ thành công; False: đồng bộ lỗi.

boolean

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

```
true
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">true</boolean>
```

1.4. Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Statistic)

POST api/Statistic

Cập nhật số liệu thống kê của đơn vị xử lý lên Cổng DVC.
Lưu ý:
- Api này chỉ hỗ trợ thống kê các mốc thời gian cố định: Hàng tháng, hàng năm.
- Trường hợp nếu muốn tổng hợp số liệu theo một khoảng thời gian bất kỳ: Đơn vị xử lý phải cung cấp Api để Cổng gọi lấy thông tin khi có yêu cầu.

Request Information

URI Parameters

None.

Body Parameters

Thông tin thống kê của đơn vị xử lý.

Statistic

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
Month	Tháng lấy số liệu.	integer	None.
Year	Tháng lấy số liệu.	integer	None.
IsMonthStatistic	Giá trị xác định số liệu thống kê theo tháng hoặc năm.	boolean	None.
NewReception	Số hồ sơ nhận trong kỳ.	integer	None.
PreExisting	Số hồ sơ tồn kỳ trước chuyển sang.	integer	None.
Total	Tổng số hồ sơ xử lý trong kỳ.	integer	None.
TotalSolved	Tổng số hồ sơ đã xử lý trong kỳ.	integer	None.
SolvedInTime	Tổng số hồ sơ đã xử lý đúng hạn	integer	None.
SolvedInTimePercent	Phần trăm hồ sơ đã xử lý đúng hạn.	decimal number	None.

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Ghi chú
SolvedLate	Số hồ sơ đã xử lý trễ hạn.	integer	None.
SolvedLatePercent	Phần trăm hồ sơ đã xử lý trễ hạn.	decimal number	None.
TotalPending	Tổng số hồ sơ chưa xử lý trong kỳ.	string	None.
Pending	Tổng số hồ sơ chưa xử lý trong hạn.	string	None.
PendingLate	Phần trăm hồ sơ chưa xử lý trong hạn.	string	None.
PendingLatePercent	Số hồ sơ chưa xử lý quá hạn.	string	None.
PendingPercent	Phần trăm hồ sơ chưa xử lý quá hạn.	string	None.
Note	Ghi chú.	string	None.
OrganizationId	Mã định danh của cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ	string	Required
OrganizationName	Tên cơ quan, tổ chức thụ lý hồ sơ một cửa	string	Max length: 255

Request Formats

application/json, text/json

Sample:

```
{
  "Month": 1,
  "Year": 2,
  "IsMonthStatistic": true,
  "NewReception": 4,
  "PreExisting": 5,
  "Total": 6,
```



```

"TotalSolved": 7,
"SolvedInTime": 8,
"SolvedInTimePercent": 9.1,
"SolvedLate": 10,
"SolvedLatePercent": 11.1,
"TotalPending": "sample string 12",
"Pending": "sample string 13",
"PendingLate": "sample string 14",
"PendingLatePercent": "sample string 15",
"PendingPercent": "sample string 16",
>Note": "sample string 17",
"OrganizationId": "sample string 18",
"OrganizationName": "sample string 19"
}

```

application/xml, text/xml

Sample:

```

<Statistic xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"
xmlns="http://www.mic.gov.vn/TBT/KN_CDVCQG_v1.0">
  <OrganizationId>sample string 18</OrganizationId>
  <OrganizationName>sample string 19</OrganizationName>
  <IsMonthStatistic>true</IsMonthStatistic>
  <Month>1</Month>
  <NewReception>4</NewReception>
  <Note>sample string 17</Note>
  <Pending>sample string 13</Pending>
  <PendingLate>sample string 14</PendingLate>
  <PendingLatePercent>sample string 15</PendingLatePercent>
  <PendingPercent>sample string 16</PendingPercent>
  <PreExtisting>5</PreExtisting>
  <SolvedInTime>8</SolvedInTime>
  <SolvedInTimePercent>9.1</SolvedInTimePercent>
  <SolvedLate>10</SolvedLate>
  <SolvedLatePercent>11.1</SolvedLatePercent>

```

```
<Total>6</Total>
<TotalPending>sample string 12</TotalPending>
<TotalSolved>7</TotalSolved>
<Year>2</Year>
</Statistic>
```

application/x-www-form-urlencoded

Sample:

Sample not available.

Response Information

Resource Description

True: Đồng bộ thành công; Còn lại: không thành công.

boolean

Response Formats

application/json, text/json

Sample:

```
true
```

application/xml, text/xml

Sample:

```
<boolean xmlns="http://schemas.microsoft.com/2003/10/Serialization/">true</boolean>
```